

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH TÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 1545/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 18/10/2018

V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành Lộc

2. Bà Trần Thị Kim Anh

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Yến, cán bộ Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Thương Thương, Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 707/2018/TLST- HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2018 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 257/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Duy L, sinh năm: 1982

Địa chỉ thường trú: Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ tạm trú: khu phố, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Có đơn xin vắng mặt.

Bị đơn: Ông Vương Thái T, sinh năm: 1978

Địa chỉ thường trú: Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ tạm trú: khu phố, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 10 tháng 5 năm 2018 của Bà Nguyễn Thị Duy L, và bản tự khai của đương sự tại tòa cùng các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ thì nội dung vụ án được xác định như sau:

Bà Nguyễn Thị Duy L là nguyên đơn trình bày: Vợ chồng bà quen biết nhau năm 2003, đến năm 2010 mới đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 74, quyển số 1/2010 ngày 19/10/2010 của Ủy ban nhân dân xã An Bình, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Hai bên chung sống với nhau hạnh phúc thời gian đầu nhưng khoảng hai năm gần đây thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do hai bên không có tiếng nói chung trong gia đình cũng như công việc. Chồng bà nhậu vào, hay kiếm chuyện gây gổ, cãi vã, ghen tuông vô cớ, cứ một hai ngày hai bên lại gây lộn, cãi nhau. Nay bà nhận thấy mâu thuẫn của hai vợ chồng kéo dài, ngày càng trầm trọng, không thể nào hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được và để cho cả hai người có cuộc sống riêng nên bà yêu cầu Tòa án sớm cho bà ly hôn với ông T để bà yên tâm làm ăn nuôi con.

Về con chung: Có 02 con chung tên Vương Gia Quý, sinh ngày 28/7/2003 và Vương Gia Hân, sinh ngày 21/5/2015. Bà yêu cầu được nuôi hai con, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con cùng bà.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có.

Ông Vương Thái T là bị đơn trình bày: Ông xác nhận thời gian chung sống, đăng ký kết hôn và con chung như lời trình bày của ông T. Theo ông, vợ chồng chung sống có hạnh phúc, đôi khi cũng xảy ra mâu thuẫn nhưng không đến mức trầm trọng, vợ chồng hay cãi vã nhau, không có tiếng nói chung trong gia đình cũng như công việc nhưng là những chuyện nhỏ nhặt. Do đó, ông không đồng ý ly hôn với bà L.

Về con chung: Nếu ly hôn ông đồng ý giao hai con cho bà L nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nuôi con. Khi nào bà L không có khả năng nuôi thì ông sẽ trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có.

Vụ án được Tòa án hòa giải nhưng không thành. Do đó, Tòa án đưa vụ án ra xét xử công khai ngày hôm nay.

Tại phiên tòa, các bên vẫn giữ nguyên ý kiến và có đơn xin vắng mặt.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Bình Tân phát biểu ý kiến và kết luận: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về thẩm quyền, thủ tục tố tụng. Về thời hạn chuẩn bị xét xử: không đảm bảo đúng thời hạn xét xử theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh đã thực hiện đầy đủ và đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của pháp luật về quyền, nghĩa vụ của đương sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà L và giao con chung cho bà L nuôi dưỡng, ghi nhận ý kiến bà L về việc không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: hai bên xin tự thỏa thuận và nợ chung hai bên cùng xác nhận không có nên không xét đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Xét qua đơn xin ly hôn của Bà Nguyễn Thị Duy L, cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, có cơ sở xác định đây là vụ kiện hôn nhân và gia đình về việc “Ly hôn”, bị đơn Ông Vương Thái T có nơi cư trú tại khu phố, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Tân theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[3] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, Bà Nguyễn Thị Duy L, Ông Vương Thái T cùng có đơn xin vắng mặt, căn cứ vào 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà L, ông T là phù hợp.

Mặc dù Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông T đến Tòa án để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật nhưng Thuận chỉ có ý kiến cung cấp cho Tòa thông qua bản tự khai và có đơn xin vắng mặt. Có nghĩa là, bị đơn đã tự tước bỏ quyền phản đối yêu cầu của nguyên đơn đối với mình, tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình, nên bị đơn phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thì: *“Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”*. Vì vậy, Hội đồng xét xử lấy yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn, lời khai của nguyên đơn, lời khai của bị đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xem xét giải quyết vụ án.

[4] Về nội dung: Căn cứ theo giấy chứng nhận kết hôn số 74, quyền số 1/2010, ngày 19/10/2010 của Ủy ban nhân dân xã An Bình, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp cùng lời khai của đương sự về việc tự nguyện kết hôn với nhau nên có căn cứ xác định quan hệ hôn nhân giữa bà L, ông T là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[5] Xét qua yêu cầu xin ly hôn Bà Nguyễn Thị Duy L đối với Ông Vương Thái T. Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở để chấp nhận. Bởi lẽ, qua lời trình bày của hai bên đương sự thì trong quá trình chung sống, vợ chồng bà L, ông T đã phát sinh mâu thuẫn trong một thời gian dài. Nguyên nhân mâu thuẫn theo lời trình bày của bà L là do hai bên không có tiếng nói chung trong gia đình cũng như công việc. Chồng bà nhậu vào, hay kiếm chuyện gây gổ, cãi vã, ghen tuông vô cớ, cứ một hai ngày hai bên lại gây lộn, cãi nhau. Ông T cũng xác nhận đôi khi vợ chồng cũng xảy ra mâu thuẫn nhưng không đến mức trầm trọng, vợ chồng hay cãi vã nhau, không có tiếng nói chung trong gia đình cũng như công việc nhưng là những chuyện nhỏ nhặt. Như vậy, hai bên đều thừa nhận do vợ chồng không có tiếng nói chung trong gia đình và công việc nên cãi vã nhau. Tuy mức độ mâu thuẫn theo lời trình bày của hai bên là khác nhau nhưng bà L, ông T lại không tìm được tiếng nói chung để giải quyết mâu thuẫn. Bà L có cung cấp cho Tòa án đơn xin ly hôn ngày 26/3/2018 và giấy thỏa thuận tài sản sau khi ly hôn ngày 27/3/2018 có chữ ký của ông T có nội dung xác nhận hai bên “không có nhu cầu hôn nhân nên cùng quyết

định xin ly hôn và không bị ràng buộc trong hôn nhân”. Tòa án cũng đã triệu tập ông T đến Tòa để ông T thực hiện các quyền, nghĩa vụ của bị đơn cũng như đã mở phiên hòa giải để tạo cơ hội cho bà L, ông T hàn gắn tình cảm nhưng ông T lại có đơn xin vắng mặt, không thể hiện thiện chí hòa giải với bà L. Như vậy, hai bên không đảm bảo được “tình nghĩa vợ chồng” theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình “vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau, vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác”.

Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa bà L, ông T đã trầm trọng, không còn khả năng để hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay bà L yêu cầu được ly hôn với ông T, căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở để chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L.

[6] Về con chung: Có 02 con chung, tên Vương Gia Quý, sinh ngày 28/7/2003 và Vương Gia Hân, sinh ngày 21/5/2015.

Bà L yêu cầu được nuôi hai con và ông T cũng đồng ý với yêu cầu này của bà L. Xét hai trẻ hiện đang sống ổn định cùng mẹ, trẻ Hân là con gái, còn nhỏ rất cần sự chăm sóc của người mẹ và trẻ Quý cũng có nguyện vọng sống với mẹ. Bà L có việc làm ổn định, có thời gian và khả năng tài chính đảm bảo việc nuôi con. Căn cứ theo Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của bà L về việc được nuôi hai con chung là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: ghi nhận sự tự nguyện của bà L không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

[7] Về tài sản chung: Bà L, ông T xác nhận tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[8] Về nợ chung: Bà L, ông T cùng xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xét.

[9] Đối với ý kiến phát biểu tại phiên tòa của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh thấy rằng, các ý kiến và đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát về hình thức và nội dung là phù hợp quy định của pháp luật, nên chấp nhận.

[10] Về án phí: Bà Nguyễn Thị Duy L chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;
- Căn cứ Điều 19, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Bà Nguyễn Thị Duy L đối với Ông Vương Thái T.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Duy L được ly hôn với Ông Vương Thái T.

Giấy chứng nhận kết hôn giấy chứng nhận kết hôn số 74, quyền số 1/2010, ngày 19/10/2010 của Ủy ban nhân dân xã An Bình, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp cấp cho Bà Nguyễn Thị Duy L và Ông Vương Thái T không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao trẻ Vương Gia Quý, sinh ngày 28/7/2003 và Vương Gia Hân, sinh ngày 21/5/2015 cho Bà Nguyễn Thị Duy L trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của bà L không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Ông T có quyền và nghĩa vụ đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

Cha mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con chung, sau này bà L, ông T đều có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Bà L, ông T xác nhận tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

4. Về nợ chung: Bà L, ông T cùng xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xét.

5. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Duy L chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn được căn trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí bà L đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0029290 ngày 22/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà L đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

6. Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thùy Linh